

Phụ lục số 1.1

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN KIẾN THỨC CHUNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh làm bài thi trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.
- Thời gian làm bài: 60 phút (60 câu hỏi).

II. DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.
3. Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Viên chức.
4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
5. Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.
6. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.
7. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.
8. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường mầm non.
9. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.
10. Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.

Phụ lục số 1.2

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN KIẾN THỨC CHUNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh làm bài thi trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.
- Thời gian làm bài: 60 phút (60 câu hỏi).

II. DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.
3. Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Viên chức.
4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
5. Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT (văn bản hợp nhất) ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.
6. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
7. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.
8. Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học.
9. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.
10. Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Phụ lục số 1.3

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN KIẾN THỨC CHUNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ; TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh làm bài thi trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 60 phút (60 câu hỏi).

II. DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.

3. Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Viên chức.

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5. Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT (văn bản hợp nhất) ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

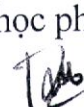

6. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

7. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

8. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành điều lệ trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

9. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Phụ lục số 1.4

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHÀN KIẾN THỨC CHUNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ NHÂN VIÊN THƯ VIỆN; VĂN THƯ; CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; THIẾT BỊ, THÍ NGHIỆM

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh làm bài thi trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.
- Thời gian làm bài: 60 phút (60 câu hỏi).

II. DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.
3. Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Viên chức.
4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
5. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.



Phụ lục số 2.1

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN NGOẠI NGỮ - TIẾNG ANH ĐỐI VỚI VỊ TRÍ NHÂN VIÊN VĂN THƯ; THƯ VIỆN

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Anh, dạng bài trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 30 phút (30 câu hỏi).

- Trình độ tương đương Bậc 1 (A1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung: Ngoại ngữ cơ bản dùng để giao tiếp hàng ngày.

- Giáo trình tham khảo: Destination A1

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Parts of speech (Từ loại)

1.1. Verbs and verb forms (Động từ và dạng của động từ)

- Verbs (Động từ)

- Modal verbs (Động từ khuyết thiếu)

1.2. Nouns (Danh từ)

1.3. Adjectives (Tính từ)

1.4. Adverbs (Trạng từ)

1.5. Pronouns (Đại từ)

1.6. Articles (Mạo từ/Quán từ)

1.7. Prepositions (Giới từ)

1.8. Connectors (Từ nối)

1.9. Question words (Từ để hỏi)

1.10. Quantifiers (Từ chỉ số lượng)

2. Tenses (Các thì/thời)

3. Comparisons (So sánh)

4. Relative clauses (Mệnh đề quan hệ xác định)

5. Verb Patterns

6. Reading

7. Sentence- structures for rewriting

8. Chủ đề, chủ điểm: Chủ đề văn bản thuộc lĩnh vực sinh hoạt giao tiếp hằng ngày: Gia đình, bản thân, bạn bè, thành phố, quê hương, thế giới xung quanh

Phụ lục số 2.2

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN NGOẠI NGỮ - TIẾNG ANH ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; THIẾT BỊ, THÍ NGHIỆM

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Anh, dạng bài trắc nghiệm giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 30 phút (30 câu hỏi)

- Trình độ tương đương Bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung: Ngoại ngữ dùng để giao tiếp hàng ngày.

- Giáo trình tham khảo: Destination A2

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Parts of speech (Từ loại)

1.1. Verbs and verb forms (Động từ và dạng của động từ)

- Verbs (Động từ)

- Modal verbs (Động từ khuyết thiếu)

1.2. Nouns (Danh từ)

1.3. Adjectives (Tính từ)

1.4. Adverbs (Trạng từ)

1.5. Pronouns (Đại từ)

1.6. Articles (Mạo từ/Quán từ)

1.7. Prepositions (Giới từ)

1.8. Connectors (Từ nối)

1.9. Interrogatives (Câu hỏi)

1.10. Quantifiers (Từ chỉ số lượng)

2. Tenses (Các thì/thời)

3. Verb Patterns

4. Tag questions (Câu hỏi đuôi)

5. Comparisons (So sánh)

6. Relative clauses (Mệnh đề quan hệ)

7. Conditional sentences (Câu điều kiện)

8. Passive voice (Câu bị động)

9. Reading

10. Sentence- structures for rewriting

11. Chủ đề, chủ điểm: Chủ đề văn bản thuộc lĩnh vực sinh hoạt giao tiếp hằng ngày: Gia đình, bản thân, bạn bè, thành phố, quê hương, thế giới xung quanh

[Handwritten signature]

Phụ lục số 2.3

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN NGOẠI NGỮ - TIẾNG NGA ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; THIẾT BỊ, THÍ NGHIỆM

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Nga, dạng bài trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.
- Thời gian làm bài: 30 phút (30 câu hỏi)
- Trình độ tương đương Bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nội dung: Ngoại ngữ dùng để giao tiếp cơ bản hàng ngày.
- Giáo trình tham khảo: 112 тестов по русскому языку как иностранному

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Danh từ: Phân biệt danh từ động vật, bất động vật, danh từ giống cái, giống đực, giống trung.
 - 1.1. Danh từ cách 1
 - 1.2. Danh từ cách 2
 - Cách 2 không giới từ
 - Cách 2 có giới từ
 - 1.3. Cách 3
 - Cách 3 không giới từ
 - Cách 3 có giới từ
 - 1.4. Cách 4
 - Cách 4 không giới từ
 - Cách 4 có giới từ
 - 1.5. Cách 5
 - Cách 5 không giới từ
 - Cách 5 có giới từ
 - 1.6. Cách 6
2. Đại từ
3. Tính từ

4. Động từ
 5. Số từ
 6. Trạng từ
 7. Các từ loại khác
 8. Cú pháp (cấu trúc câu)
 - 8.1. Các loại câu đơn
 - 8.2. Các loại câu phức
 - Câu phức đẳng lập
 - Câu phức phụ thuộc
 9. Câu trực tiếp, gián tiếp
 10. Kỹ năng đọc hiểu (200 - 250 từ)
 11. Kỹ năng viết
 - 11.1. Viết tiếp, dựng câu ...
 - 11.2. Viết đoạn văn ngắn (15 - 20 câu)
 12. Yêu cầu từ vựng Bậc A2: Người học cần nắm được 1300- 1600 từ.
 13. Chủ đề, chủ điểm: thuộc lĩnh vực sinh hoạt giao tiếp hàng ngày: Gia đình, bản thân, bạn bè, thành phố, quê hương, thế giới xung quanh.
-

Phụ lục số 2.4

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN NGOẠI NGỮ - TIẾNG PHÁP ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; THIẾT BỊ, THÍ NGHIỆM

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Pháp, dạng bài trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 30 phút (30 câu hỏi)

- Trình độ tương đương Bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung: Ngoại ngữ dùng để giao tiếp cơ bản hàng ngày.

- Giáo trình tham khảo: Le nouveau taxi 2 và Alter Ego 2, 450 nouveaux exercices niveau débutant

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. CONNAISSANCES DE LANGUE (KIẾN THỨC NGÔN NGỮ)

1.1. Les articles (Mạo từ)

1.2. Les adjectifs démonstratifs et possessifs (Tính từ chỉ định, tính từ sở hữu)

1.3. Les noms (Danh từ) : Le genre et le nombre (Giống và số)

1.4. Les adverbes (Trạng từ)

1.5. Les mots interrogatifs (Các từ để hỏi)

1.6. Les verbes (Động từ)

- Les modes du verbe (Thức) : Indicatif (Trực thuyết), Conditionnel (Điều kiện)

- Les temps du verbe (Các thì của động từ) : Le présent (hiện tại), le passé composé (quá khứ kép), l'imparfait (quá khứ tiếp diễn), le futur proche (tương lai gần), le futur simple (tương lai đơn)

- Les verbes pronominaux (Động từ phản thân)

1.7. Pronoms (Đại từ): Pronoms relatifs (đại từ liên hệ), pronoms compléments (đại từ bổ ngữ), pronoms toniques (đại từ nhấn mạnh)

1.8. Prépositions (Giới từ): situer dans l'espace et le temps (không gian và thời gian)

1.9. Expression de condition et d'hypothèse (Ngữ thức diễn đạt điều kiện/giả thuyết): Phrases avec Si (câu điều kiện với Si)

1.10. La phrase négative (Câu phủ định)

1.11. La forme passive (Câu bị động)

2. COMPRÉHENSION DE L'ÉCRIT : ĐỌC HIỂU

Texte informatif

Longueur du texte : 250-300 mots

3. PRODUCTION ÉCRITE: BÀI VIẾT

3.1. Reformulez les phrases en utilisant les pronoms relatifs (Nói 2 câu đơn thành một câu phức bằng cách sử dụng đại từ quan hệ) :

3.2. Transformez les phrases en forme active ou en forme passive (Chuyển câu chủ động sang dạng bị động hoặc ngược lại) :

3.3. Classez les mots pour former une phrase complète (Sắp xếp các từ thành một câu hoàn chỉnh) :

3.4. Reliez les parties pour former une phrase complète (Nối hai vế để tạo thành một câu hoàn chỉnh)

4. CHỦ ĐỀ, CHỦ ĐIỂM:

- Les loisirs et les pratiques culturelles
 - La vie familiale
 - Les voyages
 - La santé
 - L'environnement
 - Les transports
 - Les relations amicales, amoureuses
 - Le monde professionnel
 - Le tourisme et les vacances
 - Les médias et la télécommunication
-

Phụ lục số 2.5

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN NGOẠI NGỮ - TIẾNG TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI VỊ TRÍ GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; THIẾT BỊ, THÍ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Trung Quốc, dạng bài trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 30 phút (30 câu)

- Trình độ tương đương Bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung: Ngoại ngữ dùng để giao tiếp hàng ngày.

- Giáo trình tham khảo: HSK cấp 3 tương đương A2

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Ngữ âm

2. 词汇 (Từ vựng)

2.1. 实词 (Thực từ)

2.2. 虚词 (Hư từ)

3. 补语的用法 – Cách dùng các loại bổ ngữ

4. 常见的结构及句型 (Các kết cấu và kiểu câu thông dụng)

4.1. 常见的结构

4.2. 常见的句型

5. 语序整理及改写句子 (Sắp xếp trật tự câu, viết lại câu)

5.1. 语序整理 Sắp xếp trật tự từ tạo thành câu hoàn chỉnh

5.2. 改写句子 Viết lại câu có sử dụng từ gợi ý

6. 阅读- Đọc hiểu

7. Chủ đề, chủ điểm:

7.1. 你最想去哪儿旅游? 为什么?

7.2. 你的周末生活怎么过? 请你介绍一下。

7.3. 请介绍你学习汉语的经历?

7.4. 请介绍一下你的个人爱好?

7.5. 你介绍一下你身边的一个人?

_____ 

Phụ lục số 3

NỘI DUNG ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM PHẦN TIN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2713/TB-HĐTDVC ngày 27/7/2023
của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh làm bài thi trắc nghiệm trên giấy, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 30 phút (30 câu hỏi).

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của bộ Thông tin và truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

1. Hiểu biết về công nghệ thông tin
2. Sử dụng máy tính
3. Xử lý văn bản Microsoft Word
4. Sử dụng bảng tính Microsoft Excel
5. Sử dụng trình chiếu Microsoft Powerpoint

